8. Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh

|  |  |
| --- | --- |
| Trình tự thực hiện: | - Cơ quan, tổ chức và cá nhân Việt Nam, cá nhân nước ngoài gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh đến Sở nơi đặt trụ sở hoặc nơi có cửa khẩu mà xuất bản phẩm được nhập khẩu.  - Riêng đối với Sở Thông tin và Truyền thông thành phố Hà Nội: Cơ quan, tổ chức ở trung ương, tổ chức nước ngoài có trụ sở tại thành phố Hà Nội gửi hồ sơ đến Sở Thông tin và Truyền thông thành phố Hà Nội.  - Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở phải cấp giấy phép; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do. |
| Cách thức thực hiện: | - Nộp trực tiếp tại Sở;  - Nộp qua hệ thống bưu chính. |
| Thành phần, số lượng hồ sơ: | 1. Thành phần hồ sơ  - Đơn đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh;  - Danh mục xuất bản phẩm nhập khẩu không kinh doanh.  2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ |
| Thời hạn giải quyết: | 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định |
| Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: | Cá nhân, tổ chức |
| Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: | Sở Thông tin và Truyền thông hoặc cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản (gọi tắt là Sở) |
| Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: | Giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh |
| Phí, lệ phí (nếu có): | 50.000 đồng/hồ sơ (Theo quy định tại Thông tư số 214/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính)  *(Kể từ ngày 26/5/2020 đến hết ngày 31/12/2020: 25.000 đồng/hồ sơ* - *Theo quy định tại Thông tư số 43/2020/TT-BTC ngày 26/5/2020 của Bộ Tài chính)* |
| Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm ngay sau thủ tục): | - Đơn đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh (Mẫu số 30);  - Danh mục xuất bản phẩm nhập khẩu không kinh doanh (Mẫu số 31).  (Các mẫu trên ban hành tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông) |
| Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): | Không có |
| Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: | - Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;  - Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;  - Thông tư số 214/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí thẩm định nội dung tài liệu không kinh doanh để cấp giấy phép xuất bản, lệ phí cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh và lệ phí đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh;  - Thông tư số 43/2020/TT-BTC ngày 26/5/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp phí thẩm định nội dung tài liệu không kinh doanh để cấp giấy phép xuất bản, lệ phí cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh và lệ phí đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh;  - Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản. |

**Mẫu số 30**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN (NẾU CÓ)  **TÊN TC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  Số: ......./........ (nếu có) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do- Hạnh phúc****\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**......, ngày........ tháng......... năm...... |

## 

## ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Kính gửi: ............................................................... (1)

- Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép: .....................................................

- Trụ sở (địa chỉ): .............................................Số điện thoại: .........................

- Căn cứ vào nhu cầu sử dụng xuất bản phẩm nước ngoài, ...........................

(ghi tên tổ chức, cá nhân) đề nghị được cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm, gồm:

1. Tổng số tên xuất bản phẩm: .......................................................................

2. Tổng số bản: .....................................................................................................

3. Tổng số băng, đĩa, cassette: ...............................................................................

4. Từ nước (xuất xứ): ....................................................................................

5. Tên nhà cung cấp/Nhà xuất bản: ..................................................

6. Cửa khẩu nhập: ...........................................................................................

Kèm theo đơn này là 03 bản danh mục xuất bản phẩm nhập khẩu.

Tổ chức/cá nhân............................................. xin cam kết thực hiện đúng các quy định của Luật xuất bản, Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Đề nghị Cục Xuất bản, In và Phát hành, Sở .................................................. xem xét, cấp giấy phép./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT (ký tên, ghi rõ họ và tên, đóng dấu nếu là tổ chức) |

**Chú thích:**

(1) Ghi tên cơ quan tiếp nhận đơn như sau:

-  Đối với cơ quan, tổ chức ở Trung ương, tổ chức nước ngoài có trụ sở tại thành phố Hà Nội đứng tên trên đơn đề nghị thì ghi Cục Xuất bản, In và Phát hành hoặc Sở thành phố Hà Nội;

- Đối với cơ quan, tổ chức khác và cá nhân Việt Nam, cá nhân nước ngoài đứng tên trên đơn đề nghị thì ghi Sở nơi đặt trụ sở hoặc nơi có cửa khẩu mà xuất bản phẩm được nhập khẩu.

**Mẫu số 31**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN (NẾU CÓ)  **TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ...** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  ……, ngày........... tháng........... năm .......... |

**DANH MỤC XUẤT BẢN PHẨM NHẬP KHẨU KHÔNG KINH DOANH**

(Kèm theo Đơn đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh, ngày......... tháng......... năm.........)

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**I- PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã ISBN** | **Tên gốc của XBP** | **Tên xuất bản phẩm bằng tiếng Việt** | **Tác giả** | **Nhà xuất bản** | **Thể loại** | **Số  bản** | **Tóm tắt nội dung** | Có kèm theo | | | | **Phạm vi sử dụng** | **Hình thức khác của xuất bản phẩm** |
| **Đĩa** | **Băng, cassette** | | **Hình thức khác** |
| **Nhà cung cấp:........** | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |
| **Nhà cung cấp:.......** | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |
|  | **Tổng cộng:** | | | | | |  |  |  |  | |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**   (Ký tên, ghi rõ họ và tên, đóng dấu nếu là tổ chức) |

**II- PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU (1)**

Danh mục xuất bản phẩm trên đây được Cục Xuất bản, In và Phát hành/ Sở... cấp Giấy phép nhập khẩu số ...../ ngày.....tháng.....năm..........

 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Chú thích:**(1) Danh mục phải được Cục Xuất bản, In và Phát hành, Sở đóng dấu giáp lai với giấy Giấy phép nhập khẩu và đóng dấu giáp lai các trang của danh mục. Nếu Danh mục đăng ký trên Cổng Thông tin Một cửa Quốc gia thì không cần đóng dấu giáp lai tại Cục Xuất bản, In và Phát hành hoặc